

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07-5-2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sầm Dắt Phấn

Ông Phạm Văn Sơn

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở TAND huyện Định Quán, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2018/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Trần Thị M** - sinh năm 1983

HKTT: ấp 4, xã La Ngà, huyện Định Quán, Đồng Nai.

-Bị đơn: Anh **Nguyễn Hưng T** - sinh năm 1987

HKTT: ấp 4, xã La Ngà, huyện Định Quán, Đồng Nai.

(Chị Mai có mặt, anh Thịnh vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Mai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hưng T tự nguyện chung sống vào năm 2008 và kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã La Ngà và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/4/2009. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình cách

sống không còn phù hợp, thường xuyên bất hòa cãi vã, xô xát lẫn nhau. Chị đã có lần báo với ban áp can thiệp hòa giải. Từ tháng 3/2017 chị và anh T đã chính thức ly thân, đời sống chung của vợ chồng chấm dứt, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn phai nhạt, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hưng T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Ngọc Tuyền- sinh ngày 18/4/2012 và Nguyễn Thị Hương Duyên- sinh ngày 07/8/2014. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung sau khi ly hôn và chị không yêu cầu anh Thịnh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hưng T đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt và đã có lời khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị M chung sống vào năm 2008 và kết hôn với nhau vào năm 2009 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã La Ngà và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/4/2009. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên tình cảm đã dần phai nhạt và đã sống ly thân với nhau. Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Ngọc Tuyền- sinh ngày 18/4/2012 và Nguyễn Thị Hương Duyên- sinh ngày 07/8/2014. Anh đồng ý giao cả 2 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị M không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị M không có nợ ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Thịnh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh Thịnh.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người

tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm, phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân của chị M và anh T là hợp pháp. Vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, đời sống chung đã chấm dứt. Căn cứ Điều 19, 56 Luật Hôn nhân gia đình thì mục đích hôn nhân của vợ chồng anh Thịnh chị Mai đã không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, cho chị M được ly hôn với anh T. Về 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Ngọc Tuyền- sinh ngày 18/4/2012 và Nguyễn Thị Hương Duyên- sinh ngày 07/8/2014 căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn cho anh T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Những kiến nghị là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hưng Thịnh có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Hưng T có đăng ký kết hôn tại UBND xã La Ngà và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/4/2009. Như vậy hôn nhân của chị M và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện vợ chồng chị M anh T đã có nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, gia đình mất đi hạnh phúc nguyên nhân là do không hòa hợp trong tính tình cách sống và đã sống ly thân từ tháng 3/2017 đến nay. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy chị M anh T không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị M là có cơ sở. Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị M và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các đương sự được. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai. Cho chị M được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Hưng T có 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Ngọc Tuyền- sinh ngày 18/4/2012 và Nguyễn Thị Hương Duyên- sinh ngày 07/8/2014. Chị M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung sau khi ly hôn và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý với yêu cầu của chị M và không có ý kiến gì khác.

Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Việc giao con chung cho một bên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là căn cứ vào quyền lợi về

mọi mặt của người con. Xét thấy 02 con chung chưa thành niên của chị M anh T đang được chị Mai chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Chị M có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập hàng tháng và không vi phạm pháp luật. Xét yêu cầu về nuôi con của chị M là hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị M về nuôi con, giao con chung cho chị Mai trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh Thịnh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị M anh T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 28; Điều 68; khoản 1, Điều 228; Điều 220, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1)- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Hưng T.

2)- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Tuyên- sinh ngày 18/4/2012 và Nguyễn Thị Hương Duyên- sinh ngày 07/8/2014 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh Thịnh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị M anh T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3)- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4)- Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5)- Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị M đã nộp ngày 30/3/2018 theo biên lai số 004812 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Chị M đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS H. Định Quán;
- UBND xã La Ngà, H. Định Quán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TRỊNH THỊ KHA